

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Quý I năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 27



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.825.286.336.400	1.733.807.215.727
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	20.569.525.876	74.549.476.681
1. Tiền	111		20.569.525.876	74.549.476.681
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		1.322.694.584.622	1.142.805.951.570
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	621.025.036.800	563.615.245.448
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	177.129.023.409	134.147.325.327
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	524.412.741.824	448.474.717.744
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(3.570.151.900)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		127.782.589	138.814.951
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.05	449.753.905.995	476.408.772.126
1. Hàng tồn kho	141		454.697.190.550	481.352.056.681
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.943.284.555)	(4.943.284.555)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		32.268.319.907	40.043.015.350
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	19.821.593.693	20.354.446.311
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14b	12.308.891.820	19.688.569.039
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	137.834.394	-
B. Tài sản dài hạn	200		795.708.430.789	792.889.089.550
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		366.819.833.083	369.545.043.083
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	12.527.509.998	15.152.719.998
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	354.292.323.085	354.392.323.085
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		170.488.516.828	173.361.304.734
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	83.124.588.958	85.780.830.852
- Nguyên giá	222		147.625.035.652	146.142.973.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.500.446.694)	(60.362.142.498)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	87.363.927.870	87.580.473.882
- Nguyên giá	228		89.140.681.441	89.140.681.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.776.753.571)	(1.560.207.559)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		27.515.937.529	24.571.180.392
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	27.515.937.529	24.571.180.392
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		115.935.923.639	115.935.923.639
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	85.498.000.000	85.498.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11	30.437.923.639	30.437.923.639
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		114.948.219.710	109.475.637.702
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	13.786.438.044	3.963.285.103
2. Lợi thế thương mại	269	V.07	101.161.781.666	105.512.352.599
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.620.994.767.189	2.526.696.305.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		1.684.982.084.037	1.602.051.072.557
I. Nợ ngắn hạn	310		1.549.208.912.151	1.473.296.015.671
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	77.630.163.958	128.283.454.707
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	39.286.247.180	42.410.927.781
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	6.923.710.170	26.798.004.863
4. Phải trả người lao động	314		3.254.344.506	24.853.476.029
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	12.933.062.597	7.051.217.410
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		80.226.293	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	69.534.980.371	58.586.938.058
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	1.337.593.988.297	1.182.778.188.045
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.972.188.779	2.533.808.778
II. Nợ dài hạn	330		135.773.171.886	128.755.056.886
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	135.773.171.886	128.755.056.886
D. Vốn chủ sở hữu	400		936.012.683.152	924.645.232.720
I. Vốn chủ sở hữu	410		936.012.683.152	924.645.232.720
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	760.175.420.000	760.175.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		760.175.420.000	760.175.420.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	4.367.682.760	4.367.682.760
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	1.215.200.961	1.215.200.961
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	138.775.023.487	128.077.046.468
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		128.077.046.468	16.362.280.586
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.697.977.019	111.714.765.882
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.20	31.479.355.944	30.809.882.531
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.620.994.767.189	2.526.696.305.277

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Hoàng Minh Tiến
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 4 năm 2023

Lê Thị Phú
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		1.669.346.635.030	980.588.789.602	1.669.346.635.030	980.588.789.602
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		42.487.535.996	7.983.690.605	42.487.535.996	7.983.690.605
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	1.626.859.099.034	972.605.098.997	1.626.859.099.034	972.605.098.997
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.527.600.103.768	890.492.221.090	1.527.600.103.768	890.492.221.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		99.258.995.266	82.112.877.907	99.258.995.266	82.112.877.907
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	32.602.405.511	7.527.860.933	32.602.405.511	7.527.860.933
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	34.807.110.295	9.420.573.862	34.807.110.295	9.420.573.862
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.807.110.295	9.420.573.862	34.807.110.295	9.420.573.862
8. Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	63.553.415.009	42.010.471.546	63.553.415.009	42.010.471.546
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	26.826.644.227	25.180.514.400	26.826.644.227	25.180.514.400
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.674.231.246	13.029.179.032	6.674.231.246	13.029.179.032
12. Thu nhập khác	31	VI.07	7.631.916.375	3.596.835.601	7.631.916.375	3.596.835.601
13. Chi phí khác	32	VI.08	652.389.148	98.452.065	652.389.148	98.452.065
14. Lợi nhuận khác	40		6.979.527.227	3.498.383.536	6.979.527.227	3.498.383.536
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.653.758.473	16.527.562.568	13.653.758.473	16.527.562.568
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.453.105.136	1.881.374.534	2.453.105.136	1.881.374.534
17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.200.653.337	14.646.188.034	11.200.653.337	14.646.188.034
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		10.697.977.019	13.599.272.789	10.697.977.019	13.599.272.789
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		502.676.318	1.046.915.245	502.676.318	1.046.915.245
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	141	179	141	179
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	141	179	141	179

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Hoàng Minh Tiến

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2023

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.653.758.473	16.527.562.568
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.638.083.018	3.890.267.749
Các khoản dự phòng	03	(3.570.151.900)	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(32.529.987.220)	(7.572.718.394)
Chi phí lãi vay	06	34.807.110.295	9.420.573.862
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.998.812.666	22.265.685.785
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(133.876.097.643)	26.504.592.385
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	26.654.866.131	67.103.279.034
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(59.176.357.276)	(101.135.257.459)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(4.939.729.390)	1.204.836.170
Tiền lãi vay đã trả	14	(33.832.181.120)	(8.554.169.471)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.426.163.713)	(5.873.470.638)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(561.619.999)	(134.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(211.158.470.344)	1.381.345.806
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.324.613.985)	(4.361.996.739)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	643.181.818	2.295.454.545
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.036.454	887.138.785
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.655.395.713)	(1.179.403.409)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	1.421.636.372.584	592.948.698.192
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.259.802.457.332)	(607.621.840.017)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	161.833.915.252	(14.673.141.825)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(53.979.950.805)	(14.471.199.428)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	74.549.476.681	55.474.603.075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	20.569.525.876	41.003.403.647

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Hoàng Minh Tiến
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2023

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 ngày 08/8/2022 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSĐC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ phần.

- Vốn điều lệ đăng ký: 760.175.420.000 đồng

- Vốn góp thực tế đến 31/3/2023: 760.175.420.000 đồng

Trụ sở chính đặt tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, KCN Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;

- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;

- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Đại lý du lịch;

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;

- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;

- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;

- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;

- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (dịch vụ cứu hộ cứu nạn);
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

6. Danh sách công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái 2, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	98,53%	98,53%
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Số 51 Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thương mại và dịch vụ	77,50%	77,50%
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	96,52%	96,52%
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Lô DVTM-08 và lô DVTM-11, Đường số 7, Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	90,00%	90,00%
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thương mại và dịch vụ	0,00%	95,00%
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, Xã Hòa An, Huyện Phú Hoà, Tỉnh Phú Yên	Thương mại và dịch vụ	85,50%	99,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con ("Tập đoàn") cho thời kỳ tài chính quý I năm 2023. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng thời kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng các khoản tiền gửi ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng có tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua – bán;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

+ Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

+ Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp ... và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá TSCĐ. Chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm	02 - 05 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

8. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định hiện hành.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.406.744.572	11.499.202.374
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	855.986.954	308.000.846
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	95.383.632	10.103.077.296
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)	149.123.727	29.116.187
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	306.209.759	1.058.967.545
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	40.500	40.500
Tiền gửi ngân hàng	17.423.781.304	62.890.274.307
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	7.924.019.690	20.541.461.991
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	1.119.886.080	16.559.231.832
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)	252.335.757	2.845.175.169
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	7.837.338.562	22.936.981.334
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	290.201.215	7.423.981
Tiền đang chuyển	1.739.000.000	160.000.000
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	1.739.000.000	160.000.000
Cộng	20.569.525.876	74.549.476.681

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% trên tổng phải thu khách hàng)	328.983.871.580	328.543.680.285
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	246.238.625.593	189.927.224.565
- Công ty Cổ phần Auto Hoàng Gia Sài Gòn	45.802.539.627	45.144.340.598
Cộng	621.025.036.800	563.615.245.448
3. Trả trước cho người bán		
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Minh Long	102.453.554.572	95.967.863.588
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	25.059.523.423	8.000.646.028
- Công ty CP Liên Doanh Ô Tô Hyundai Thành Công Việt Nam	13.804.087.526	-
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	2.114.083.650	-
- Công ty CP Easy Car	6.921.139.852	8.452.982.514
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	26.776.634.386	21.725.833.197
Cộng	177.129.023.409	134.147.325.327
b) Dài hạn		
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	12.527.509.998	15.152.719.998
Cộng	12.527.509.998	15.152.719.998
4. Phải thu khác		
a) Phải thu khác ngắn hạn		
- Phải thu hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp chính	46.613.314.803	34.200.246.961
- Phải thu khác từ Công ty CP Bất Động Sản Bảo Long	36.603.015.888	36.603.015.888
- Phải thu khác từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	210.768.299.894	195.720.320.298
- Phải thu khác từ Công ty TNHH Minh Long	34.917.169.660	29.737.259.660
- Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân	-	34.253.727.820
- Phải thu ngắn hạn tiền góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	15.254.590.000	13.781.000.000
- Các khoản tạm ứng nhân viên	3.521.476.084	2.334.572.982
- Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long thực hiện cải tạo nhà xưởng	65.160.000.000	65.160.000.000
- Ký quỹ ngắn hạn khác	8.418.367.257	6.346.152.007
- Các khoản phải thu khác	103.156.508.238	30.338.422.128
Cộng	524.412.741.824	448.474.717.744
b) Phải thu khác dài hạn		
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	274.732.000.000	274.732.000.000
- Ký quỹ thuê văn phòng cho Công ty TNHH Minh Long thời hạn 10 năm	72.000.000.000	72.000.000.000
- Ký quỹ dài hạn khác	7.560.323.085	7.660.323.085
Cộng	354.292.323.085	354.392.323.085

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	57.281.394	-	53.270.411	-
- Chi phí sản xuất dở dang	9.982.505.438	-	9.311.020.405	-
- Hàng hóa (5.1)	444.657.403.718	(4.943.284.555)	471.987.765.865	(4.943.284.555)
Cộng	454.697.190.550	(4.943.284.555)	481.352.056.681	(4.943.284.555)
(5.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe các loại			365.682.537.781	394.060.473.574
- Tại Công ty Cổ phần City Auto			99.549.077.258	136.892.470.717
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ			39.487.218.184	29.606.945.455
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)			49.563.403.710	35.312.367.343
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)			177.082.838.629	192.248.690.059
Phụ tùng, phụ kiện			78.974.865.937	77.927.292.291
- Tại Công ty Cổ phần City Auto			44.914.808.748	46.355.526.484
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ			21.895.821.507	18.988.571.543
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)			7.403.758.792	7.829.131.118
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)			4.760.476.890	4.754.063.146
Cộng			444.657.403.718	471.987.765.865
6. Chi phí trả trước			Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ			2.332.662.026	2.090.721.754
- Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển			11.159.763.636	14.137.500.000
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển			6.329.168.031	4.126.224.557
Cộng			19.821.593.693	20.354.446.311
b) Dài hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ			3.454.238.151	2.799.008.762
- Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển			9.376.900.000	-
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển			955.299.893	1.164.276.341
Cộng			13.786.438.044	3.963.285.103
7. Lợi thế thương mại			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất			140.694.721.045	141.527.923.950
Lợi thế thương mại đã phân bổ			(39.532.939.379)	(36.015.571.351)
Cộng			101.161.781.666	105.512.352.599

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	57.162.165.644	1.252.276.848	-	58.414.442.492
Máy móc, thiết bị	38.743.457.866	446.080.000	-	39.189.537.866
Phương tiện vận tải	48.112.457.859	681.500.000	897.794.546	47.896.163.313
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.124.891.981	-	-	2.124.891.981
Cộng	146.142.973.350	2.379.856.848	897.794.546	147.625.035.652
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	20.731.885.081	1.177.270.622	-	21.909.155.703
Máy móc, thiết bị	25.909.878.682	1.278.900.586	-	27.188.779.268
Phương tiện vận tải	12.499.984.597	1.921.242.640	283.232.810	14.137.994.427
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.220.394.138	44.123.158	-	1.264.517.296
Cộng	60.362.142.498	4.421.537.006	283.232.810	64.500.446.694
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	36.430.280.563			36.505.286.789
Máy móc, thiết bị	12.833.579.184			12.000.758.598
Phương tiện vận tải	35.612.473.262			33.758.168.886
Thiết bị, dụng cụ quản lý	904.497.843			860.374.685
Cộng	85.780.830.852			83.124.588.958
9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	5.118.206.818	-	-	5.118.206.818
Cộng	89.140.681.441	-	-	89.140.681.441
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	1.560.207.559	216.546.012	-	1.776.753.571
Cộng	1.560.207.559	216.546.012	-	1.776.753.571
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	3.557.999.259			3.341.453.247
Cộng	87.580.473.882			87.363.927.870
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định			1.998.321.771	661.500.000
- Quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng showroom - Công ty CP Ô tô Phú Mỹ			22.197.579.703	20.589.644.337
- Chi phí xây dựng showroom - Công ty CP Ô tô Nha Trang			3.320.036.055	3.320.036.055
- Chi phí xây dựng showroom - Công ty CP Auto Bình Phước			-	-
Cộng			27.515.937.529	24.571.180.392

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) - Đầu tư khác	85.498.000.000	85.498.000.000	-	85.498.000.000	85.498.000.000	-
b) - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.437.923.639	30.437.923.639	-	30.437.923.639	30.437.923.639	-
Cộng	115.935.923.639	115.935.923.639	-	115.935.923.639	115.935.923.639	-

a) Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Giá trị vốn góp theo đăng ký	Giá trị vốn góp đến ngày 31/3/2023
- Công ty CP New City Rent A Car	(11.1) 16,00%	40.000.000.000	40.000.000.000
- Công ty Cổ phần Easy Car	(11.2) 14,22%	45.498.000.000	45.498.000.000
Cộng			85.498.000.000

(11.1) Công ty CP Auto Trường Chinh đầu tư mua 1.600.000 cổ phần của Công ty CP New City Rent A Car với giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ đồng, sở hữu 16% vốn điều lệ, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315125524 ngày 10/11/2020 với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

(11.2) - Công ty CP Auto Trường Chinh đầu tư mua 3.749.800 cổ phần của Công ty CP Easy Car với giá trị chuyển nhượng là 37.498.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315963325 ngày 16/5/2022 với vốn điều lệ 320 tỷ đồng, sở hữu 11,72% vốn điều lệ.

- Công ty CP ô tô Phú Mỹ đầu tư mua 800.000 cổ phần của Công ty CP Easy Car với giá trị chuyển nhượng là 8.000.000.000 đồng, sở hữu 2,5% vốn điều lệ.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Đức Hòa	30.437.923.639	30.437.923.639
Cộng	30.437.923.639	30.437.923.639

Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 157/22/HĐUT ngày 10/10/2022 và phụ lục giữa Công ty CP City Auto và Ông Lê Đức Hòa, tổng số tiền được ủy thác: 31.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, lãi suất ủy thác cố định 5%/năm và được thanh toán vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	14.254.646.924	14.254.646.924	27.530.238.625	27.530.238.625
- Công ty TNHH Ô Tô VW Nha Trang	-	-	23.352.201.066	23.352.201.066
- Công Ty CP Liên Doanh Ô Tô Hyundai Thành Công Việt Nam	-	-	3.863.020.522	3.863.020.522
- Công ty CP TB Tân Thành Đô	5.188.622.296	5.188.622.296	14.379.338.017	14.379.338.017
- Công ty CP Auto Hoàng Gia Sài Gòn	10.690.900.581	10.690.900.581	-	-
- Công ty CP Trident Auto	-	-	5.400.000.000	5.400.000.000
- Công ty TNHH Minh Long	19.896.306.350	19.896.306.350	26.407.301.753	26.407.301.753
- Công ty CP Truck&Bus Trường Chinh	-	-	9.367.211.113	9.367.211.113
- Các đối tượng khác	27.599.687.807	27.599.687.807	17.984.143.611	17.984.143.611
Cộng	77.630.163.958	77.630.163.958	128.283.454.707	128.283.454.707

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	39.286.247.180	42.410.927.781
Cộng	39.286.247.180	42.410.927.781
14. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước		
a) Phải nộp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	628.808.998	189.418.729
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.853.232.633	25.826.291.210
- Thuế thu nhập cá nhân	441.668.539	782.294.924
Cộng	6.923.710.170	26.798.004.863
b) Phải thu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	12.308.891.820	19.688.569.039
- Thuế thu nhập cá nhân (nộp dư)	137.834.394	-
Cộng	12.446.726.214	19.688.569.039
15. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	538.499.690	717.479.505
- Trích trước lương tháng 13	-	-
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	2.241.080.500	1.266.151.325
- Chi phí phải trả khác	10.153.482.407	5.067.586.580
Cộng	12.933.062.597	7.051.217.410
16. Các khoản phải trả khác ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm bắt buộc	4.570.103.454	3.322.382.303
- Tài sản thừa chờ xử lý	525.963.313	525.963.313
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	4.060.670.054	5.382.470.054
- Phải trả tiền mượn Công ty CP Easy Car	5.000.000.000	5.000.000.000
- Phải trả bà Trần Thị Tâm tiền thu hộ chuyển nhượng cổ phần	3.160.000.000	2.198.489.856
- Phải trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	-	264.000.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của Tập đoàn	9.065.000	220.916.363
- Các khoản phải trả khác	52.209.178.550	41.672.716.169
Cộng	69.534.980.371	58.586.938.058

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
a. Ngắn hạn	1.182.778.188.045	1.413.732.417.584	1.256.973.595.013	1.337.593.988.297
- NH Ngoại thương (17.1)	226.908.375.461	434.805.314.069	308.533.394.610	353.180.294.920
- NH Bảo Việt (17.2)	112.317.211.000	151.348.160.000	179.240.915.000	84.424.456.000
- NH Quân đội (17.3)	55.036.462.150	46.105.310.250	66.446.793.525	34.694.978.875
- NH Công Thương (17.4)	27.361.526.163	34.815.598.100	24.901.092.138	37.276.032.125
- NH An Bình	-	-	-	-
- NH Xuất nhập khẩu (17.5)	6.247.847.900	10.082.870.000	15.376.269.400	954.448.500
- NH VN Thịnh Vượng (17.6)	11.348.416.400	17.860.359.800	8.393.751.550	20.815.024.650
- NH Đầu tư và Phát triển (17.7)	242.106.453.701	413.433.285.943	374.380.900.018	281.158.839.626
- NH Quốc tế (17.8)	37.879.038.780	93.264.970.140	43.810.515.550	87.333.493.370
- NH Phương Đông (17.9)	17.216.288.781	16.327.079.651	16.059.468.432	17.483.900.000
- NH Indovina (17.10)	334.735.863.639	48.123.121.600	47.059.973.813	335.799.011.426
- NH HSBC (17.11)	88.043.816.034	146.566.348.031	169.023.494.034	65.586.670.031
- NH Phát Triển TPHCM	7.220.000.000	1.000.000.000	3.747.026.943	4.472.973.057
- NH Chính sách xã hội	-	-	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.356.888.036			14.413.865.717
b. Dài hạn	78.755.056.886	7.903.955.000	2.828.862.319	85.773.171.886
- NH Ngoại thương (17.1)	69.244.900.000	-	2.390.000.000	66.854.900.000
- NH Quân đội (17.3)	32.862.500	-	32.862.500	-
- NH Bảo Việt (17.2)	8.550.000.000	-	225.000.000	8.325.000.000
- NH VN Thịnh Vượng (17.6)	1.134.182.422	554.455.000	120.159.819	1.568.477.603
- NH Phát triển nhà TPHCM (17.12)	16.150.000.000	6.975.000.000	60.840.000	23.064.160.000
- NH Tiên phong (17.13)	-	374.500.000	-	374.500.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(16.356.888.036)			(14.413.865.717)
c. Trái phiếu thường (17.14)	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Cộng	1.311.533.244.931	1.421.636.372.584	1.259.802.457.332	1.473.367.160.183

Cho đến ngày 30/3/2023, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(17.1) Vay ngắn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng như sau:

(17.1.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP City Auto vay tại Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng tín dụng số 0648/KHDN/22/HMCV ngày 30/12/2022 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xi, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 094/KHDN/20/HĐBĐ ngày 07/8/2020. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 174.443.128.000 đồng.

(17.1.2) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP Auto Bình Phước vay tại Chi nhánh Bình Phước theo Hợp đồng cấp tín dụng số 022K23 ngày 30/3/2023. Tổng hạn mức tín dụng là 250 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 04 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100% phát sinh theo hợp đồng mua bán xe giữa Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam và khách hàng. Thế chấp/ cầm cố tài sản là cổ phiếu bao gồm:

+ 500 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty CP City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Ngọc Dân; theo hợp đồng cầm cố số 279CC20 ngày 17/02/2021.

+ 1.050 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty CP City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Lâm; theo hợp đồng cầm cố số 025CC21/KHBB ngày 20/05/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.1.3) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2022/HDTD-NTF ngày 07/10/2022 kèm theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2022/HMCV-NTF và thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 2022/HMBL-NTF ngày 07/10/2022 với hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng. Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cho vay không quá 03 tháng. Lãi suất vay chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hàng hóa xe ô tô Ford mới 100% theo hợp đồng bảo đảm số 2021/ONT/HHLC ngày 23/7/2021 và hợp đồng bảo đảm số 2022/LX-NTF ngày 07/10/2022 và các phụ lục đính kèm. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 79.124.379.201 đồng.

(17.1.4) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng sau:

- Số 2020/ONT/CVTL/02 ngày 07/10/2020 với số tiền vay là 2.450.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng Mặt trời 250kW theo hợp đồng kinh tế số 02/2020/HĐ/SOLAR ngày 31/8/2020. Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

- Số 2022/CVTL/NTFT/03 ngày 07/10/2022 với số tiền vay: 1.477.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: thanh toán chi phí mua sắm máy móc, thiết bị. Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

- Các Hợp đồng tín dụng với thời hạn vay: 36 tháng; mục đích vay: tài trợ mua xe demo nhãn hiệu Ford. Tài sản đảm bảo là các xe ô tô được hình thành từ nguồn vốn vay chi tiết theo các Hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo. Số dư nợ vay dài hạn đến ngày 31/3/2023 là 5.854.500.000 đồng.

(17.1.5) Khoản vay dài hạn do Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0269/KHDN/20 ngày 03/11/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0269/KHDN/20-SĐ1 ngày 03/11/2020 và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0270/KHDN/20/TLDH ngày 03/11/2020, số tiền vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo lãi suất thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- + 500.000 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của ông Trần Lâm và bà Võ Thị Thanh Hiền.
- + 290.650 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng và bà Nguyễn Thị Tố Trinh.
- + 1.446.405 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Đồng Thị Thanh Thắm.
- + 2.756.911 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Ngô Công Minh và bà Phạm Thị Ái Hạnh.
- + Các hợp đồng tiền gửi.
- + Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai mới 100%.

Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 của khoản vay này là 33.890.000.000 đồng.

(17.1.6) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0147/KHDN/22/HMCV ngày 04/5/2022 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại mục (17.1.5). Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 của khoản vay này là 40.395.475.850 đồng.

(17.1.7) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0337/KHDN/20/CVTL ngày 10/12/2020, hạn mức vay: 36.177.000.000 đồng, thời hạn vay: 96 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo lãi suất thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- + 1.453.000 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của ông Nguyễn Quang Khải.
- + 1.147.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh.

Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 của khoản vay này là 27.110.400.000 đồng.

(17.1.8) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0073/KHDN/23/HMCV ngày 28/02/2023 với hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại mục (17.1.7). Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 của khoản vay này là 24.999.868.819 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.2) Khoản vay từ **Ngân hàng TMCP Bảo Việt** - Chi nhánh Tp.HCM theo các hợp đồng sau:

(17.2.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay theo Hợp đồng tín dụng số 0048-2022-HĐTD1-BVB003 ngày 04/4/2022 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/3/2023 là 84.424.456.000 đồng.

(17.2.2) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay theo Hợp đồng tín dụng số 0039-2022-HD9TD1-BVB003 ngày 19/4/2022 với số tiền vay là 9 tỷ đồng; thời hạn cho vay 120 tháng. Mục đích vay: nhận chuyển nhượng 04 quyền sử dụng đất tại địa chỉ ấp 05, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là các bất động sản hình thành từ vốn vay được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp tài sản. Số dư các khoản vay đến ngày 31/3/2023 là 8.325.000.000 đồng.

(17.3) - Khoản vay từ **Ngân hàng TMCP Quân Đội** theo các hợp đồng sau:

(17.3.1) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6278.22.117.2897485.TD ngày 18/02/2022. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai. Thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/3/2023 là 24.565.059.600 đồng.

(17.3.2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6321.22.117.5943003.TD ngày 18/02/2022. Hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/01/2023, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước (công ty con của Công ty CP Auto Trường Chinh) vay. Số dư các khoản vay đến ngày 31/3/2023 là 10.129.919.275 đồng.

(17.4) Vay ngắn hạn **Ngân hàng TMCP Công Thương** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: DUYENTTP-001/2023-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 09/01/2023. Hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 09/01/2024, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 37.276.032.125 đồng.

(17.5) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam** theo các hợp đồng sau:

(17.5.1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số LAV210076461/2000 ngày 28/10/2021 và Biên bản sửa đổi, bổ sung số 01/2022 ngày 10/10/2022, hạn mức vay: 50 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 05/4/2023. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Hyundai mới 100% mua từ Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 217.838.500 đồng.

(17.5.2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1805-LAV-220011303 ngày 14/02/2022. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 17/12/2022. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 06 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100% phát sinh theo hợp đồng mua bán xe giữa Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam và khách hàng theo hợp đồng hợp tác số 01/2021/EIB-HTV/HĐHT-ĐL ngày 21/06/2021 giữa Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam và Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 736.610.000 đồng.

(17.6) Vay từ **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng** theo các Hợp đồng sau:

(17.6.1) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 475/2021/HDHM ngày 13/10/2021 và phụ lục số 02/PLHĐ ngày 03/01/2023 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 13/01/2023; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa - xe ô tô du lịch, xe ô tô tải, xe chuyên dùng hiệu Hyundai còn mới 100% hình thành từ vốn vay hoặc có sẵn trong kho. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 20.815.024.650 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.6.2) Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 130422-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 14/4/2022 và Hợp đồng số 090622-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 09/6/2022. Số tiền vay là 1.368.102.200 đồng. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 của khoản vay này là 1.568.477.603 đồng.

(17.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

(17.7.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2023/4528578/HĐTD ngày 04/01/2023 với tổng hạn mức vay là 180 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 131.901.989.743 đồng.

(17.7.2) Hợp đồng tín dụng số 90/2022/11402179/HĐTD ngày 12/7/2022 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa là xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 122.386.008.500 đồng.

(17.7.3) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/8943817/HĐTD ngày 08/10/2022. Hạn mức tín dụng 300 tỷ đồng, trong đó dư nợ vay tối đa là 120 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 26.870.841.383 đồng.

(17.8) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế theo các Hợp đồng sau:

(17.8.1) Hợp đồng tín dụng số 8808110.22 ngày 08/6/2022, hạn mức vay: 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 của khoản vay này là 43.179.780.870 đồng.

(17.8.2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1815782.22 ngày 13/7/2022 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 của khoản vay này là 44.153.712.500 đồng.

(17.9) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Phương Đông - chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng số 0086/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 07/4/2022, hạn mức vay: 25 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An với giá trị định giá là 38.802.000.000 đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò theo Hợp đồng thế chấp số 0083/2022/BĐ, số 0084/2022/BĐ, số 0085/2022/BĐ ngày 23/5/2022. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 của khoản vay này là 17.483.900.000 đồng.

(17.10) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina theo các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng:

(17.10.1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 07/0322/CLri/6285628 ngày 13/4/2022 và Hợp đồng sửa đổi số 07/0322/CLri/PL01-0622 ngày 20/6/2022 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18 thuộc tờ bản đồ số 38, tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An với giá trị định giá là 360.223.000.000 đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò theo Hợp đồng thế chấp số 07/0322/HĐTC-01 ngày 13/4/2022 và Phụ lục số 07/0322/HĐTC-01/PL-0622 ngày 20/6/2022.. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 100.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.10.2) Hợp đồng tín dụng số 20/0622/CL/6322018 ngày 27/6/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 20/0622/CL/PL01-0223 ngày 16/02/2023. Hạn mức tín dụng 65 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 64.797.600.000 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

a.1. Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:

- + 12.500.000 cổ phiếu BSG của Công ty CP Xe khách Sài Gòn thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 74.250 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 500.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Bà Khổng Phương Thanh;
- + 51.766 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Quang Khải;
- + 53.880 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Thành;
- + 66.793 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Phạm Anh Hưng;
- + 32.994 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Lâm;
- + 120.960 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Long;
- + 68.820 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Quang Trí;
- + 70.336 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Bà Trần Thị Tâm.

a.2. Hàng tồn kho là xe Ford mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17/0622/HĐTC-HTK-01.

a.3. Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về thuê và cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh và tại Lô F3, đường D1, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng số 19/0622/HĐTC-QTS.

(17.10.3) Hợp đồng tín dụng số 17/0622/CL/6370659 ngày 15/6/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 17/0622/CL/PL01-0622 ngày 23/6/2022. Hạn mức tín dụng tối đa 120 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 91.919.020.968 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

a.1. Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:

- + 1.927.400 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 4.500.000 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Thành;
- + 1.399.200 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Ngô Đức Toàn;
- + 837.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Thái Thị Xuân Quỳnh;
- + 943.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuấn;
- + 2.121.007 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Ái Hạnh;
- + 288.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 154.044 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng;
- + 120.600 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Ngọc Dân;
- + 397.547 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Lâm.

a.2. Hàng tồn kho là xe Hyundai mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.

(17.10.4) Hợp đồng tín dụng số 21/0622/CL/6370672 ngày 15/6/2022. Hạn mức tín dụng tối đa 60 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 39.088.963.458 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- + 9.000.000 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của ông Phạm Anh Hưng theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu.
- + Hàng tồn kho là xe Hyundai mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 21/0622/HĐTC-HTK.

(17.10.5) Hợp đồng tín dụng số 19/0622/CL/6370691 ngày 15/6/2022. Hạn mức tín dụng tối đa 40 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này do Công ty CP Ô tô Nha Trang vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 39.993.427.000 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- + Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê và cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại lô B1, đường C2, khu Công nghiệp Cát Lái II, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM trị giá 45.115.000.000 đồng.
- + Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê và cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại lô F3, đường D1, Khu công nghiệp Cát Lái II, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM trị giá 17.263.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.11) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo các Hợp đồng sau:

(17.11.1) Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 165993 ngày 13/9/2022 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 55.133.930.281 đồng.

(17.11.2) Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 166021 ngày 21/9/2022 với tổng hạn mức vay là 60 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 10.452.739.750 đồng.

(17.12) Vay từ Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng:

(17.12.1) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 23375/22MN/HĐTD ngày 11/07/2022. Thời hạn vay chi tiết theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là bất động sản tọa lạc tại tờ bản đồ số 30, 38 phường Nghi Hương, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty CP Golf Biển Cửa Lò và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và CTXD trên đất tại tổ 3, KP. Tân Trà, P. Tân Xuân, TP. Đồng Xoài, Bình Phước. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 là 4.472.973.057 đồng.

(17.12.2) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 23376/22MN/HĐTD ngày 07/07/2022. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn xây dựng showroom tại thị xã Đồng Xoài. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định ở khoản vay ngắn hạn. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 của khoản vay này là 22.030.000.000 đồng.

(17.12.3) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 44655/22MN/HĐTD ngày 16/01/2023. Hạn mức vay: 05 tỷ đồng. Mục đích vay: Chi lương cho cán bộ nhân viên. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay chi tiết theo từng lần nhận nợ. Ông Trần Ngọc Dân bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 của khoản vay này là 1.034.160.000 đồng.

(17.13) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 24/2023/HĐTD/GVP ngày 29/3/2023. Số tiền vay: 374.500.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe ô tô làm tài sản cố định của Công ty. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất vay: theo giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2023 của khoản vay này là 374.500.000 đồng.

(17.14) Trái phiếu thường không chiết khấu: Công ty CP City Auto đã phát hành 500 trái phiếu thường với mã trái phiếu CTFH2224001, mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu với tổng mệnh giá là 50 tỷ đồng, kỳ hạn 18 tháng, ngày đáo hạn: 03/5/2024, lãi suất trái phiếu cố định 11%/năm, mục đích phát hành để tái cơ cấu nợ, chi tiết theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 03/11/2022. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 4.573.193 cổ phiếu mã CTF của Công ty CP City Auto chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 66/HĐ-CTF/2022 ngày 21/10/2022 giữa Ông Nguyễn Văn Thành (đại diện các bên thế chấp) và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Công ty CP City Auto.

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi	3 tháng đầu năm 2023	3 tháng đầu năm 2022
Số dư đầu năm	2.533.808.778	3.274.296.577
Tăng do trích quỹ	-	-
Giảm do chi quỹ	(561.619.999)	(134.150.000)
Số dư cuối kỳ	<u>1.972.188.779</u>	<u>3.140.146.577</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2022	Tăng	Giảm	31/3/2022
- Vốn góp của chủ sở hữu	723.977.760.000	-	-	723.977.760.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.367.682.760	-	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.215.200.961	-	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	52.559.940.586	13.599.272.789	-	66.159.213.375
Cộng	782.120.584.307	13.599.272.789	-	795.719.857.096

	01/01/2023	Tăng	Giảm	31/3/2023
- Vốn góp của chủ sở hữu	760.175.420.000	-	-	760.175.420.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.367.682.760	-	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.215.200.961	-	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	128.077.046.468	10.697.977.019	-	138.775.023.487
Cộng	893.835.350.189	10.697.977.019	-	904.533.327.208

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	3 tháng đầu năm 2023	3 tháng đầu năm 2022
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	128.077.046.468	52.559.940.586
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	10.697.977.019	13.599.272.789
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	138.775.023.487	66.159.213.375

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 15 ngày 08/8/2022 là 760.175.420.000 đồng tương đương 76.017.542 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	76.017.542	72.397.776
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.017.542	72.397.776
+ Cổ phiếu phổ thông	76.017.542	72.397.776
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.017.542	72.397.776
+ Cổ phiếu phổ thông	76.017.542	72.397.776
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	28.402.000.000	27.402.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	7.583.790.750	9.031.286.139
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(240.763.532)	(2.605.529.808)
+ Chuyển lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát sang lợi nhuận công ty mẹ do chuyển nhượng cổ phần	(3.969.487.310)	(3.136.284.405)
+ Điều chỉnh sang Lợi nhuận chưa phân phối	-	-
+ Trích lập các quỹ	(296.183.964)	118.410.605
Cộng	31.479.355.944	30.809.882.531

21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	1.563.147.062.558	905.156.136.627
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	106.199.572.472	75.432.652.975
Cộng	1.669.346.635.030	980.588.789.602
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	42.487.535.996	7.983.690.605
Cộng doanh thu thuần	1.626.859.099.034	972.605.098.997
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	1.498.811.263.772	889.522.313.605
Doanh thu bán phụ tùng	21.848.262.790	7.650.132.417
Doanh thu cung cấp dịch vụ	92.766.300.139	71.760.907.980
Doanh thu khác	13.433.272.333	3.671.744.995
Cộng	1.626.859.099.034	972.605.098.997
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Giá vốn xe đã bán	1.452.387.578.058	843.202.254.204
- Giá vốn hàng hóa đã bán	19.625.693.005	4.939.071.876
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	54.061.289.882	41.165.538.322
- Giá vốn khác	1.525.542.823	1.185.356.688
Cộng	1.527.600.103.768	890.492.221.090
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	26.036.454	887.138.785
- Chiết khấu thanh toán được hưởng	101.038.373	10.572.941
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	-
- Lãi từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư	-	-
- Lãi từ khoản ký quỹ	32.475.330.684	6.630.149.207
Cộng	32.602.405.511	7.527.860.933
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	33.450.945.912	9.420.573.862
- Chi phí lãi trái phiếu	1.356.164.383	-
Cộng	34.807.110.295	9.420.573.862

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	24.848.339.602	20.214.389.968
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.539.145.030	2.570.497.975
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.023.491.618	9.869.395.028
- Chi phí bằng tiền khác	24.142.438.759	9.356.188.575
Cộng	63.553.415.009	42.010.471.546
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	9.871.375.240	9.044.102.115
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.818.826.797	948.159.201
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.098.938.004	1.153.225.057
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(3.570.151.900)	-
- Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	3.517.368.028	2.429.105.211
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.092.250.575	9.598.350.382
- Chi phí bằng tiền khác	2.998.037.483	2.007.572.434
Cộng	26.826.644.227	25.180.514.400
7. Thu nhập khác		
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	28.620.082	55.430.402
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện, bán hàng từ nhà cung cấp kỳ này	7.034.378.577	3.393.368.542
- Hoàn nhập do trích dự hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp kỳ trước	-	-
- Xử lý công nợ lâu năm	-	1.135.218
- Thu nhập khác	568.917.716	146.901.439
Cộng	7.631.916.375	3.596.835.601
8. Chi phí khác		
- Chi phí phạt thuế, thuế truy thu	-	6.738.354
- Chi phí khác	652.389.148	91.713.711
Cộng	652.389.148	98.452.065
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto	741.032.475	777.828.046
- Chi phí thuế TNDN - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	1.712.072.661	126.021.755
- Chi phí thuế TNDN - Công ty CP ô tô Nha Trang (hợp nhất)	-	354.630.328
- Chi phí thuế TNDN - Công ty CP Auto Trường Chinh (hợp nhất)	-	622.894.405
Cộng	2.453.105.136	1.881.374.534

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.200.653.337	14.646.188.034
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	502.676.318	1.046.915.245
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	10.697.977.019	13.599.272.789
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	10.697.977.019	13.599.272.789
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	76.017.542	76.017.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	141	179
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	10.697.977.019	13.599.272.789
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	10.697.977.019	13.599.272.789
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	76.017.542	76.017.542
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	76.017.542	76.017.542
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	141	179
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.527.600.103.768	890.492.221.090
- Chi phí nhân công	34.719.714.842	29.258.492.083
- Chi phí khấu hao	4.638.083.018	3.890.267.749
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.115.742.193	19.467.745.410
- Chi phí khác	28.906.519.183	14.574.480.704
Cộng	1.617.980.163.004	957.683.207.036

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP New City Rent A Car	Đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Easy Car	Công ty liên kết
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong năm 2023, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Bán hàng hóa	188.377.791.777
		Mua hàng hóa	29.586.264.887
		Doanh thu tài chính khác	22.428.728.110
		Nhận cung cấp dịch vụ	18.646.150.568

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

Bên liên quan	Nội dung	Số tiền	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Easy Car	Phải thu	22.175.729.852	22.233.982.514
	Phải trả	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Phải thu	482.066.448.910	393.648.190.891
	Ký quỹ dài hạn	274.732.000.000	274.732.000.000
	Phải trả	5.188.622.296	14.379.338.017

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Hoàng Minh Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 4 năm 2023

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

